

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2019

**ĐỀ CƯƠNG
DỰ THẢO LUẬT ĐIỆN ẢNH (SỬA ĐỔI)**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động điện ảnh; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điện ảnh tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Điện ảnh.*
2. *Tác phẩm điện ảnh.*
3. *Phim (phim truyện, phim truyện truyền hình, phim tài liệu, phim khoa học, phim phóng sự, phim giáo khoa, phim ngắn,...).*
4. *Kịch bản văn học.*
5. *Kịch bản phân cảnh.*
6. *Hoạt động điện ảnh.*
7. *Sản xuất phim.*
8. *Phát hành phim.*
9. *Phổ biến phim.*
10. *Cơ sở điện ảnh.*
11. *Cơ sở dịch vụ sản xuất phim (chỉnh sửa: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sản xuất phim).*
12. *Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh (bổ sung).*
13. *Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh.*
14. *Công nghiệp điện ảnh (bổ sung).*

15. Phim hợp tác sản xuất với nước ngoài (bổ sung).

16. Phim có yếu tố nước ngoài (Bổ sung: có sự tham gia của 3 thành phần chính: Nhà sản xuất, biên kịch, đạo diễn).

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về phát triển điện ảnh

1. Nhà nước ban hành và thực hiện các chính sách về đầu tư phát triển; chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động điện ảnh nhằm xây dựng và phát triển nền công nghiệp điện ảnh Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và nhu cầu đời sống tinh thần ngày càng cao của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước.

2. Chính sách khuyến khích, thu hút tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh

Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật; bảo đảm cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực điện ảnh được bình đẳng trong hoạt động, cạnh tranh lành mạnh và chống độc quyền.

Nhà nước thực hiện các chính sách ưu đãi về tín dụng và thuế theo quy định của pháp luật đối với các hoạt động: đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, sản xuất hoặc hợp tác sản xuất phim với nước ngoài, các dự án sản xuất phim nước ngoài thực hiện tại Việt Nam, phát hành phim và phổ biến phim.

3. Chính sách đặt hàng sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước

Hàng năm, Nhà nước có kế hoạch đặt hàng sản xuất phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học và phim hoạt hình từ nguồn ngân sách nhà nước đối với những phim có đề tài về truyền thống lịch sử, chiến tranh, cách mạng, lãnh tụ, dân tộc miền núi và hải đảo, giữ gìn văn hóa truyền thống, trẻ em và gia đình, xây dựng con người mới trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

4. Chính sách tài trợ cho hoạt động chiếu phim lưu động

Nhà nước tài trợ kinh phí, phương tiện vận chuyển, thiết bị kỹ thuật cho hoạt động phổ biến phim phục vụ miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nông thôn, thiếu nhi, lực lượng vũ trang nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội và đối ngoại.

5. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động xúc tiến phát triển và quảng bá điện ảnh

Nhà nước ban hành quy định về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh nhằm thực hiện chức năng hỗ trợ tài chính cho các hoạt động sáng tác kịch bản, sản xuất, phổ biến, quảng bá phát hành phim Việt Nam trong nước và ở nước ngoài.

Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích xã hội hóa việc tổ chức các sự kiện điện ảnh trong và ngoài nước, kết hợp chặt chẽ giữa quảng bá điện ảnh và quảng bá điểm đến du lịch, phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế trong điện ảnh, tăng cường quảng bá hình ảnh đất nước, con người và bản sắc văn hóa Việt Nam ra thế giới.

6. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực điện ảnh

Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động điện ảnh; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp điện ảnh trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

Điều 5. Thống kê nhà nước về điện ảnh

- Quy định trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tham gia các hoạt động điện ảnh phải định kỳ thực hiện thống kê và báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về điện ảnh.

- Quy định trách nhiệm lưu trữ, khai thác, nghiên cứu và sử dụng số liệu thống kê điện ảnh.

Điều 6. Bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm

Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu tác phẩm của chủ sở hữu tác phẩm điện ảnh theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 7. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh

1. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về điện ảnh có trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát xã hội; Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên;

b) Tham gia xây dựng, phổ biến, giáo dục, việc thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách về điện ảnh;

c) Tham gia xúc tiến, quảng bá điện ảnh; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điện ảnh; xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh cho các hội viên; huy động các nguồn lực xã hội để triển khai hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức triển khai việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp, vận động hội viên, người lao động kinh doanh điện ảnh đúng pháp luật;

đ) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về điện ảnh.

Điều 8. Cơ sở điện ảnh

1. Cơ sở điện ảnh bao gồm:

- a) Cơ sở sản xuất phim;
- b) Cơ sở dịch vụ sản xuất phim;
- c) Cơ sở in sang, nhân bản phim;
- d) Cơ sở bán, cho thuê phim;
- đ) Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu phim;
- e) Cơ sở chiếu phim;
- g) Cơ sở điện ảnh khác theo quy định của pháp luật.

2. Các loại hình hoạt động của cơ sở điện ảnh bao gồm doanh nghiệp điện ảnh và đơn vị sự nghiệp điện ảnh.

Doanh nghiệp điện ảnh hoạt động theo quy định của Luật này, Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đơn vị sự nghiệp điện ảnh được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và theo quy định của Chính phủ.

Điều 9. Thành lập và quản lý doanh nghiệp điện ảnh

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim tại Việt Nam theo quy định của Luật này và Luật doanh nghiệp.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được quyền hợp tác đầu tư với doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp phát hành phim và doanh nghiệp phổ biến phim của Việt Nam dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp liên doanh.

Đối với hình thức đầu tư thành lập liên doanh thì phần vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 51% vốn điều lệ.

Điều 10. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam

1. Việc đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

- a) Đơn đề nghị đặt văn phòng đại diện ghi mục đích, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động, trụ sở, giám đốc văn phòng đại diện và cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của cơ sở điện ảnh nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

3. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

4. Văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam được giới thiệu về hoạt động điện ảnh của cơ sở mình theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11. Những hành vi bị cấm trong hoạt động điện ảnh

1. Tuyên truyền chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tuyên truyền, kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục.

3. Tiết lộ bí mật Nhà nước; bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.

4. Xuyên tạc sự thật lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

5. Truyền bá, phát tán trên không gian mạng những phim chưa/không được phép phổ biến của các cơ quan quản lý hoạt động điện ảnh có thẩm quyền.

6. Sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi tham gia các bộ phim hoặc các cảnh quay nhạy cảm về tình dục, bạo lực, sử dụng các chất kích thích.

Chương II

SẢN XUẤT PHIM

Điều 12. Doanh nghiệp kinh doanh sản xuất phim

1. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh sản xuất phim.

2. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh sản xuất phim.

Điều 13. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sản xuất phim

1. Quy định về quyền của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sản xuất phim

a) Được hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để cung cấp dịch vụ sản xuất phim trong và ngoài nước.

b) Được hưởng các ưu đãi về thuế (incentive).

2. Quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sản xuất phim.

a) Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

b) Cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo hợp đồng; việc cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải thực hiện đúng nội dung giấy phép của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Quy định về quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim

a) Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm.

c) Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp dịch vụ sản xuất phim.

d) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim; sản xuất phim có yếu tố nước ngoài; cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Quy định về thẩm quyền cấp giấy phép.

a) Đối với phim điện ảnh.

b) Đối với phim truyền hình.

c) Đối với phim phóng sự.

d) Đối với phim giáo khoa.

đ) Đối với phim quảng cáo.

e) Đối với phim ca nhạc.

2. Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép.

Điều 15. Sản xuất phim đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Thể loại phim: phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học và phim hoạt hình.

2. Đề tài: về truyền thống lịch sử, cách mạng, lãnh tụ, dân tộc miền núi và hải đảo; giữ gìn văn hóa truyền thống; trẻ em và gia đình; phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

3. Phương thức: Việc đặt hàng sản xuất phim có sử dụng ngân sách được thực hiện theo quy trình do Chính phủ quy định.

Điều 16. Sản xuất phim truyền hình

Việc sản xuất phim truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam, đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình được cấp giấy phép hoạt động báo chí (sau đây gọi là đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình) do người

đứng đầu đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình quyết định đầu tư và tổ chức sản xuất phim để phát sóng trên truyền hình, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

PHÁT HÀNH PHIM

Điều 17. Doanh nghiệp kinh doanh phát hành phim

1. Quy định điều kiện thành lập doanh nghiệp kinh doanh phát hành phim.
2. Quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp kinh doanh phát hành phim.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh phát hành phim

1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Trao đổi phim, hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để phát hành phim.
3. Báo cáo định kỳ.

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh phát hành phim

1. Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp phát hành phim.
3. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Bán, cho thuê phim

1. Quy định quyền của tổ chức, cá nhân bán, cho thuê phim.
2. Quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân bán, cho thuê phim.

Điều 21. In sang, nhân bản phim

1. Quy định quyền được in sang, nhân bản phim.
2. Quy định về phim được phép in sang, nhân bản phim.

Điều 22. Xuất khẩu phim, nhập khẩu phim

1. Quy định về xuất khẩu phim.
 - a) Doanh nghiệp được quyền xuất khẩu phim:
 - Đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất phim

- Đối với Đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình được xuất khẩu phim do mình sản xuất.

b) Quy định về phim được phép xuất khẩu.

2. Quy định về nhập khẩu phim

a) Doanh nghiệp được quyền nhập khẩu phim:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh sản xuất phim.

- Đối với Đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình được nhập khẩu phim để phát sóng trên truyền hình.

- Đối với đơn vị sự nghiệp.

- Đối với cơ quan nghiên cứu khoa học, giáo dục, các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế.

b) Quy định về phim nhập khẩu

Phim nhập khẩu phải có bản quyền hợp pháp và không vi phạm quy định của Luật này.

Chương IV

PHỔ BIẾN PHIM

Điều 23. Doanh nghiệp kinh doanh phổ biến phim

1. Quy định điều kiện thành lập doanh nghiệp kinh doanh phổ biến phim.

2. Quy định về trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp kinh doanh phổ biến phim.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh phổ biến phim

1. Thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để chiếu phim.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp kinh doanh phổ biến phim

1. Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký.

2. Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở chiếu phim.

3. Tổ chức chiếu phim có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh hoặc đã có quyết định phát sóng của người đứng đầu đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình.

4. Bảo đảm tỷ lệ số buổi chiếu phim Việt Nam so với phim nước ngoài, giờ chiếu phim Việt Nam, thời lượng và giờ chiếu phim cho trẻ em theo quy định của Chính phủ.

5. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khán giả.

6. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Câu lạc bộ chiếu phim, điểm chiếu phim tại các nhà hàng, địa điểm công cộng.

1. Quy định điều kiện thành lập câu lạc bộ chiếu phim, điểm chiếu phim tại các nhà hàng, địa điểm công cộng.

2. Quy định về nội dung phim

Điều 27. Chiếu phim lưu động

1. Nhà nước có chính sách đầu tư thiết bị chiếu phim, phương tiện vận chuyển, cấp kinh phí hoạt động cho đội chiếu phim lưu động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), đơn vị lực lượng vũ trang thành lập để phục vụ chiếu phim ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi phí buổi chiếu phim ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, phục vụ lực lượng vũ trang nhân dân; bảo đảm từ 50% đến 80% chi phí buổi chiếu phim ở các vùng nông thôn cho đội chiếu phim lưu động.

3. Cơ sở chiếu phim tư nhân chiếu phim lưu động phục vụ ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thanh toán chi phí buổi chiếu như cơ sở chiếu phim nhà nước.

- Quy định về đầu tư phương tiện vận chuyển, thiết bị kỹ thuật chiếu phim.

Điều 28. Phổ biến phim trên hệ thống truyền hình

1. Quy định việc phổ biến phim trên hệ thống truyền hình của Việt Nam (giữ nguyên quy định tại Điều 35 Luật Điện ảnh).

2. Quy định hoạt động phổ biến phim của các kênh truyền hình nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam (các phim phát trên các kênh này đều có phụ đề tiếng Anh).

a) Quy định nội dung phim.

b) Quy định thẩm quyền quản lý hoạt động phổ biến phim của các đài truyền hình nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 29. Phổ biến phim trên internet

Đối với những doanh nghiệp phổ biến phim có máy chủ đặt tại Việt Nam

a) Quy định nội dung phim.

b) Quy định thẩm quyền quản lý hoạt động phổ biến phim của các doanh nghiệp phổ biến phim có máy chủ đặt tại Việt Nam.

c) Tuân thủ những quy định khác của pháp luật Việt Nam về an ninh, an toàn mạng.

Điều 30. Giấy phép phổ biến phim

1. Quy định cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim được phổ biến trong hệ thống rạp chiếu phim của Việt Nam (bao gồm phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim ngắn).

2. Quy định cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim được phổ biến trên hệ thống truyền hình của Việt Nam.

3. Quy định cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim của các đài truyền hình nước ngoài phổ biến trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quy định cấp giấy phép phổ biến phim đối với phim được phổ biến trên không gian mạng.

5. Quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim

6. Quy định về thẩm quyền cấp giấy phép phổ biến phim

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 31. Hội đồng thẩm định phim

1. Quy định thẩm quyền thành lập các Hội đồng thẩm định phim

a) Hội đồng thẩm định phim phổ biến trong hệ thống rạp chiếu phim của Việt Nam (bao gồm phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình, phim ngắn).

- Thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Hội đồng thẩm định phim phổ biến trên hệ thống truyền hình của Việt Nam.

- Thẩm quyền của Đài Truyền hình Việt Nam;

- Thẩm quyền của Đài phát thanh - Truyền hình của các ban, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Hội đồng thẩm định phim của các đài truyền hình nước ngoài phổ biến trên lãnh thổ Việt Nam

- Thẩm quyền của Đài Truyền hình Việt Nam; Đài phát thanh-Truyền hình của các ban, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

d) Hội đồng thẩm định phim phổ biến trên không gian mạng.

- Thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Quy định về trách nhiệm của Hội đồng thẩm định phim

3. Quy định về thành phần của Hội đồng thẩm định phim

Điều 32. Quảng cáo phim

Giữ nguyên Điều 40 Luật Điện ảnh.

Chương V

QUẢNG BÁ, XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Mục 1

TỔ CHỨC, THAM GIA LIÊN HOAN PHIM

Điều 33. Tổ chức Liên hoan Phim quốc gia, Liên hoan Phim chuyên ngành

1. Quy định về tổ chức Liên hoan Phim quốc gia

a) Quy định về quy mô của Liên hoan Phim.

b) Quy định về thể loại, điều kiện của phim gửi đến tham gia Liên hoan Phim.

c) Quy định về đơn vị tổ chức Liên hoan Phim.

- Xã hội hóa việc đăng cai tổ chức Liên hoan Phim.

- Vai trò của Nhà nước đối với việc tổ chức Liên hoan Phim (tài trợ kinh phí, thẩm định nội dung phim).

2. Quy định về Liên hoan Phim chuyên ngành, chuyên đề

a) Quy định về đơn vị tổ chức Liên hoan Phim chuyên ngành.

b) Quy định về nội dung phim.

Điều 34. Tổ chức Liên hoan Phim quốc tế, Chương trình phim, Tuần phim nước ngoài tại Việt Nam

1. Quy định về tổ chức Liên hoan Phim quốc tế tại Việt Nam

a) Quy định không hạn chế số lượng, thể loại các Liên hoan Phim quốc tế được thành lập và tổ chức tại Việt Nam.

b) Quy định về thể loại, điều kiện của phim gửi đến tham gia Liên hoan Phim quốc tế.

c) Quy định về đơn vị tổ chức Liên hoan Phim quốc tế:

- Xã hội hóa việc thành lập, đăng cai tổ chức Liên hoan Phim quốc tế;
- Vai trò của Nhà nước đối với việc tổ chức Liên hoan Phim quốc tế (tài trợ kinh phí, thẩm định nội dung phim).

2. Quy định về tổ chức chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam

a) Quy định về các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam, tổ chức cá nhân đang nước ngoài tổ chức chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam.

b) Quy định về đối tác Việt Nam tham gia tổ chức chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam.

c) Quy định về nội dung phim được phép chiếu trong chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam.

- Hội đồng thẩm định phim.
- Giấy phép phổ biến phim trong khuôn khổ chương trình phim, tuần phim nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 35. Tham dự Liên hoan Phim, Hội chợ phim quốc tế; tổ chức Liên hoan Phim, Chương trình phim, Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài.

1. Quy định về tham dự Liên hoan Phim, Hội chợ phim quốc tế

a) Quy định cho phép tổ chức cá nhân gửi phim, cử đoàn tham dự Liên hoan Phim, Hội chợ phim quốc tế.

b) Quy định về nội dung phim gửi tham dự Liên hoan Phim, Hội chợ phim quốc tế.

2. Quy định về tổ chức Liên hoan Phim, Chương trình phim, Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài.

a) Quy định về tổ chức, cá nhân tổ chức Liên hoan Phim, Chương trình phim, Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài.

- Cơ quan tổ chức của Nhà nước;
- Cá nhân và doanh nghiệp tư nhân.

b) Quy định về nội dung phim chiếu trong Liên hoan Phim, Chương trình phim, Tuần phim Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 36. Tổ chức Liên hoan Phim truyền hình

Giữ nguyên quy định tại Điều 42 Luật Điện ảnh.

Mục 2

THÀNH LẬP QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN ĐIỆN ẢNH

Điều 37. Quy định về thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh

1. Quy định tôn chỉ, mục đích của Quỹ.
2. Quy định địa vị pháp lý của Quỹ (do ai thành lập, ai quản lý).
3. Quy định chức năng của Quỹ.
4. Nhiệm vụ của Quỹ.
5. Đối tượng được Quỹ hỗ trợ.

Điều 38. Nguồn vốn của Quỹ

- a) Nguồn vốn do Thủ tướng Chính phủ cấp khi thành lập Quỹ
- b) Nguồn thu từ việc trích tỉ lệ phần trăm trên doanh thu chiếu phim tại các rạp.
 - c) Nguồn thu từ phát hành và phổ biến những phim được sản xuất có sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ chi phí phát hành và các chi phí khác theo quy định hiện hành
 - d) Nguồn thu từ các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ, tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho sự phát triển điện ảnh dân tộc.

Điều 39. Phương thức hỗ trợ của Quỹ

- a) Hỗ trợ tài chính cho các dự án sản xuất phim tiếp theo của nhà sản xuất, đạo diễn có phim đạt giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, có hiệu quả xã hội được Hội đồng Quỹ đánh giá cao và quyết định bình chọn để hỗ trợ tài chính cho các dự án sản xuất phim tiếp theo.
- b) Hỗ trợ tài chính cho các dự án sản xuất phim nghệ thuật, phim đầu tay bao gồm: kịch bản, sản xuất phim, quảng bá phim.
- c) Hỗ trợ tài chính cho các dự án đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức trại sáng tác, quảng bá phát hành phim Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Điều 40. Nguyên tắc hoạt động Quỹ

1. Nguyên tắc hỗ trợ
 - a) Hỗ trợ không hoàn lại;
 - b) Chỉ hỗ trợ một phần tài chính đối với các dự án;
 - c) Công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp điện ảnh. Quỹ không hỗ trợ đối với các

dự án sản xuất phim có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng;

d) Dự án nhận hỗ trợ của Quỹ phải được Hội đồng tư vấn của Quỹ thẩm định. Riêng các dự án liên quan đến sản xuất phim cần phải có ý kiến tư vấn Hội đồng thẩm định kịch bản thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Nguyên tắc tài chính

a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Thực hiện nguyên tắc lấy thu bù chi;

c) Việc hỗ trợ của Quỹ được thực hiện thông qua hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

LƯU CHIẾU, LƯU TRỮ PHIM

Điều 41. Lưu chiếu phim

1. Quy định về nghĩa vụ nộp lưu chiếu đối với doanh nghiệp sản xuất phim, doanh nghiệp nhập khẩu, phát hành phim.

2. Quy định vật liệu nộp lưu chiếu.

3. Quy định thời gian nộp lưu chiếu.

Điều 42. Lưu trữ phim

1. Quy định nghĩa vụ và thời gian, vật liệu gốc mà doanh nghiệp sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước phải nộp lưu trữ.

2. Quy định phân cấp các cơ sở lưu trữ phim.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở lưu trữ phim

1. Quy định về quyền của cơ sở lưu trữ phim.

2. Quy định về nghĩa vụ của cơ sở lưu trữ phim.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐIỆN ẢNH

Điều 43. Nội dung quản lý nhà nước về điện ảnh

Quy định các nội dung quản lý nhà nước về điện ảnh.

Điều 44. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển điện ảnh, định hướng phát triển cơ sở điện ảnh trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao và du lịch;

b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về điện ảnh; chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện ảnh;

c) Xây dựng cơ chế, chính sách về điện ảnh; tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động điện ảnh;

d) Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động điện ảnh;

đ) Hướng dẫn và nhận thông báo hoạt động điện ảnh;

e) Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động điện ảnh;

g) Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động điện ảnh;

h) Cấp, thu hồi giấy phép trong hoạt động điện ảnh;

i) Thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động điện ảnh; tuyển chọn và trao giải thưởng đối với cá nhân và tác phẩm điện ảnh;

k) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động điện ảnh.

Điều 45. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Bộ Tài chính.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Bộ Công thương.

6. Bộ Công an.

7. Bộ Ngoại giao

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điều 46. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện ảnh của Ủy ban nhân dân các cấp

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày (.....) tháng (.....) năm (.....)

Điều 48. Hướng dẫn thi hành
